

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 61/2023/HSST
Ngày: 25/10/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, ông: Lương Sỹ Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Sỹ Huyền.
2. Ông Hoàng Công Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa, bà Nguyễn Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2023 tại Điểm cầu trung tâm Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, kết nối với điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2023/TLST - HS ngày 04/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST - HS, ngày 11 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phan Văn N; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 05/7/1994. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn F, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không. Trình độ học vấn: 09/12. Họ tên cha: Phan Văn L, sinh năm 1970. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1976. Hiện cha, mẹ trú tại thôn F, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1994. Con: 02 đứa, đứa lớn sinh năm 2015, đứa nhỏ sinh năm 2017. Hiện vợ, con trú tại thôn F, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền sự, nhân thân: Không. Tiền án: Tại Bản án số 07 ngày 09/3/2021, Phan Văn N bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 20 tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đã chấp hành xong, nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/6/2023 đến ngày 04/7/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H. Ngày 11/7/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam

Công an tỉnh H cho đến nay. Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh H, sức khỏe bình thường và tự bào chữa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn H1; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 18/02/1995. Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không. Trình độ học vấn: 09/12. Họ tên cha: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963. Họ tên mẹ: Trần Thị S, sinh năm 1963. Hiện cha, mẹ trú tại thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ ba. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/6/2023 đến ngày 04/7/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H. Ngày 11/7/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H cho đến nay. Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh H, sức khỏe bình thường và tự bào chữa.

*** Những người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1995; địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

- Bà Trần Thị S, sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Anh Nguyễn Hồng V, sinh năm: 1994; Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

- Cán bộ, chiến sỹ tại điểm cầu thành phần hỗ trợ phiên tòa: Đồng chí Nguyễn Văn T - Cán bộ Đội Cảnh sát bảo vệ: Trại tạm giam Công an tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng chất ma túy, khoảng 10 giờ ngày 28/6/2023, Nguyễn Văn H1, sinh năm 1995 trú tại thôn Đ, xã S, huyện H liên lạc qua mạng xã hội Zalo với Phan Văn N, sinh năm 1994 trú tại thôn F, xã S, huyện H hỏi mua 3.000.000 đồng tiền hồng phiến, N đồng ý rồi liên hệ với một người tên T1 có tài khoản Z “Tuấn T2” (Nho không rõ nhân thân, lai lịch) đặt vấn đề mua 45 viên hồng phiến với giá 2.250.000 đồng và hẹn giao hàng ở khu vực cầu chui, Quốc lộ H thuộc xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Đến hẹn, Nho nhờ Nguyễn Văn N1, sinh năm 1999, trú tại thôn L, xã S, huyện H chở đến một quán cà phê ở khu vực N, thuộc xã S rồi mượn xe của N1 đến điểm hẹn. Đến nơi, N để tiền trong một ống nhựa cạnh đường rồi lấy

gói ni lông chứa hồng phiến T1 để trước đó. Nhận được hồng phiến, N gọi điện cho H1 và hẹn giao ma túy tại khu vực cầu chui Quốc lộ H thuộc thôn Đ, xã S, đồng thời quay lại quán cà phê đón N1 để nhờ N1 chở đến điểm hẹn (Nho không nói và N1 cũng không biết đi mua bán chất ma túy). Khoảng 11 giờ cùng ngày, khi đến điểm hẹn Nho thấy H1 tại đây nên liền vứt gói ma túy xuống và ký hiệu cho H1 qua lấy rồi Nho đi về. H1 nhặt túi ni lông Nho vừa vứt mang về nhà kiểm tra thấy bên trong chứa 45 viên hồng phiến, H1 lấy 02 viên ra sử dụng hết, lấy 09 viên bỏ vào trong 01 gói ni lông màu vàng, 06 viên bỏ vào trong 01 gói ni lông màu trắng và 28 viên gói trong 01 gói ni lông màu đen rồi cất giấu vào túi áo khoác, sau đó chuyển khoản trả cho N số tiền 700.000 đồng (Số tiền này N đã tiêu xài cá nhân hết), số tiền còn lại H1 chưa thanh toán cho N. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H1 lấy gói ni lông màu vàng bên trong chứa 09 viên hồng phiến đến khu vực cầu C thuộc thôn Đ, xã S, huyện H để sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H bắt quả tang. Tiến hành khám xét nơi ở của H1 phát hiện, thu giữ thêm 02 gói ni lông gồm: 01 gói màu trắng bên trong chứa 06 viên nén và 01 gói màu đen bên trong chứa 28 viên nén đều màu hồng. Ngày 29/6/2023, Phan Văn N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H bắt giữ và khai nhận đầy đủ hành vi của mình như đã nêu trên.

* Tại bản Kết luận giám định số 646/KL - KTTHS ngày 04/7/2023 của Phòng K, Công an tỉnh H, kết luận:

- 09 viên nén màu hồng đựng trong gói ni lông màu vàng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,8147 gam;
- 06 viên nén màu hồng đựng trong gói ni lông màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,5428 gam;
- 28 viên nén màu hồng đựng trong gói ni lông màu đen, bên ngoài là gói ni lông màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 2,5344 gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II.B, STT 14, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

* Vật chứng chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện H, gồm:

- 3,8919 gam Methamphetamine (Đã lấy mẫu giám định 0,6429 gam), còn lại 3,2490 gam cùng toàn bộ vỏ bao gói được cho vào một phong bì thư dán kín, trên mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đối tượng Nguyễn Văn H1.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 màu xanh, bên trong gắn thẻ sim số 0374.740.731 và 0898.098.863, điện thoại đã qua sử dụng (Thu của Nguyễn Văn H1);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, bên trong gắn thẻ sim số 0347412432, điện thoại đã qua sử dụng (Thu của Phan Văn N).

Tại điểm câu thành phần, các bị cáo khai nhận các hành vi phạm tội, vật chứng thu giữ như nội dung cáo trạng đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 59/CT - VKS - HS ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Phan Văn Nho về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Văn H1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý:

** Về hình phạt chính:*

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn N từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2023.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2023.

** Về hình phạt bổ sung:* Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo vì các bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định.

** Về biện pháp tư pháp:* Bị cáo Nguyễn Văn H1 mua ma túy của bị cáo Phan Văn N với số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo H1 mới trả cho bị cáo N số tiền 700.000 đồng. Số tiền 700.000 đồng được xác định là số tiền do phạm tội mà có. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước từ bị cáo Phan Văn N số tiền 700.000 đồng.

** Về xử lý vật chứng:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 màu xanh, bên trong gắn thẻ sim số 0374.740.731, điện thoại đã qua sử dụng (Thu của Nguyễn Văn H1) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, bên trong gắn thẻ sim số 0347412432, điện thoại đã qua sử dụng (Thu của Phan Văn N). Đây là hai chiếc điện thoại mà bị cáo N và bị cáo Hoàng liên l với nhau để mua ma túy.

- Tịch thu tiêu hủy: 3,2490 gam Methamphetamine, cùng toàn bộ vỏ bao gói được cho vào một phong bì thư dán kín, trên mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đối tượng Nguyễn Văn H1.

- Đối với thẻ sim 0898098863, được lắp trong máy điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 màu xanh (Thu của Nguyễn Văn H1), sau khi điều tra làm rõ thẻ sim này không dùng để liên lạc thực hiện hành vi mua bán ma túy giữa bị cáo N và bị cáo H1, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H1.

* *Về án phí*: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo tại điểm câu thành phần bày lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người làm chứng anh Nguyễn Văn N1 và anh Nguyễn Hồng V vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt hai người làm chứng. Xét thấy hai người làm chứng vắng mặt đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

[2.1]. *Về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo*: Hành vi của bị cáo Phan Văn N là bán 45 viên hồng phiến với số tiền 3.000.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Văn H1, số ma túy mà bị cáo Phan Văn N bán cho bị cáo Nguyễn Văn H1 là bị cáo mua của một người tên T1 có tài khoản Zalo “Tuấn tú” không rõ nhân thân, lai lịch với giá 2.250.000 đồng. Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý nhà nước về ma túy đồng thời gây ảnh hưởng lớn đến trật tự quản lý xã hội trên địa bàn huyện H. Lúc thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã chủ động hoàn toàn, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, động cơ mục đích phạm tội là mua đi bán lại ma túy nhằm tư lợi cá nhân. Sau khi bán ma túy cho Nguyễn

Văn H1, Nguyễn Văn H1 bị bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Theo Kết luận giám định tổng số lượng mà Nguyễn Văn H1 tàng trữ là 3,8919 gam Methamphetamine. (*Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II. B, STT 14, Nghị định số 57/2022/NĐ - CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ*). Đây cũng là số lượng ma túy mà Phan Văn N đã bán cho Nguyễn Văn H1. Với số lượng ma túy thu được như vậy, thời gian, địa điểm và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án khẳng định được rằng hành vi của bị cáo Phan Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H1 là mua 45 viên hồng phiến của bị cáo Phan Văn N về sử dụng, sau khi mua bị cáo Nguyễn Văn H1 đã sử dụng 02 viên. Tổng số lượng ma túy mà bị cáo Nguyễn Văn H1 tàng trữ là 3,8919 gam Methamphetamine. (*Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II. B, STT 14, Nghị định số 57/2022/NĐ - CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ*). Bị cáo Nguyễn Văn H1 là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến khách thể được pháp luật Hình sự Việt Nam bảo vệ đó là chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, ý thức được điều đó nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, động cơ và mục đích phạm tội là thỏa mãn nhu cầu cá nhân, không có ý thức mua đi bán lại nhằm tư lợi. Với số lượng ma túy thu được là 3,8919 gam Methamphetamine, thời gian, địa điểm và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên khẳng định được rằng hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Cho nên bản Cáo trạng số 59/CT - VKS - HS ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Phan Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Văn H1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Hội đồng xét xử xét thấy trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đồng thời cần có một mức hình phạt phù hợp nhằm tiếp tục răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[2.2]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Nguyễn Văn H1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Với lần phạm tội này hành vi phạm tội của bị cáo Phan Văn N được xác định là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự mà bị cáo phải chịu được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[2.3]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phan Văn N và Nguyễn Văn Hoàng thành k khai báo. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[2.4]. *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.....toàn bộ tài sản” do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[2.5]. *Về biện pháp tư pháp*: Bị cáo Nguyễn Văn H1 mua 45 viên Hồng phiến của bị cáo Phan Văn N với số tiền 3.000.000 đồng. Bị cáo H1 mới trả được 700.000 đồng cho bị cáo N, số tiền 700.000 đồng mà bị cáo H1 trả cho bị cáo N được xác định là số tiền do phạm tội mà có. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[2.6]. *Về xử lý vật chứng*: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 màu xanh, bên trong gắn thẻ sim số 0374.740.731 và 0898.098.863, điện thoại đã qua sử dụng (Thu của Nguyễn Văn H1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, bên trong gắn thẻ sim số 0347412432, điện thoại đã qua sử dụng (Thu của Phan Văn N). Hai chiếc điện thoại này là hai chiếc điện thoại mà bị cáo N và bị cáo H1 sử dụng liên lạc với nhau mua bán ma túy. Hai chiếc điện thoại này được xác định là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Đối với 3,2490 gam Methamphetamine cùng toàn bộ vũ bao gói được cho vào một phong bì thư dán kín, trên mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đối tượng Nguyễn Văn H1, đây là số ma túy còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định thuộc vật cấm tàng trữ, lưu hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước và tịch thu tiêu hủy. Đối với thẻ sim 0898098863, được lắp trong máy điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 màu xanh (Thu của Nguyễn Văn H1), sau khi điều tra làm rõ thẻ sim này không dùng để liên lạc trao đổi mua bán ma túy giữa bị cáo N và bị cáo H1, nên Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H1.

[3]. *Đối với những người liên quan trong vụ án*: Người tên T1 có tài khoản Z “Tuần T2”, Phan Văn N khai là người bán ma túy cho N, nhưng N không rõ nhân

thân, lai lịch nên không có căn cứ để xác minh, xử lý. Đối với Nguyễn Văn N1 là người điều khiển xe chở Phan Văn N đến xã S, huyện H vào ngày 28/6/2023, nhưng N1 không biết và N cũng không nói đi giao chất ma túy nên không có căn cứ để xử lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4]. *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền công tố tại phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng xử lý về hình phạt chính; Hình phạt bổ sung; Biện pháp tư pháp; Xử lý vật chứng liên quan đến vụ án và án phí như trong bản luận tội đã nêu. Căn cứ vào hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận và sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt và các vấn đề khác liên quan.

[5]. *Về án phí:* Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về hình phạt chính:* Tuyên bố bị cáo Phan Văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2023.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 24 (hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2023.

2. *Về biện pháp tư pháp:* Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu từ bị cáo Phan Văn N số tiền 700.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 màu xanh, bên trong gắn thẻ sim số 0374.740.73 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, bên trong gắn thẻ sim số 0347412432.

- Tịch thu tiêu hủy: 3,2490 gam Methamphetamine cùng toàn bộ vỏ bao gói được cho vào một phong bì thư dán kín, trên mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đối tượng Nguyễn Văn H1.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H1 thẻ sim 0898098863.

(Tất cả vật chứng trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương S ngày 02/10/2023).

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phan Văn N và bị cáo Nguyễn Văn H1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- Công an huyện Hương Sơn;
- THAPT, CCTHADS huyện Hương Sơn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Sỹ Nam